

Bản án số: 250/2018/DS-PT

Ngày: 10/10/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Như Lâm

Các thẩm phán: Bà Ngô Thị Thu Thiện

Bà Nguyễn Thu Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thùy Dương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên

Trong ngày 10/10/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2018/TL - DSPT ngày 02/8/2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DSST ngày 30/3/2018 của Toà án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 287/2018/QĐ-PT ngày 07/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị Ch**; sinh năm: 1964.

Địa chỉ: số nhà 47 ngõ 7 khu tập thể K92, thôn A, xã AK, huyện H, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Đỗ Thị H; sinh năm: 1959.

2.2. Ông Nguyễn Xuân D; sinh năm: 1955.

Bà H, ông D cùng địa chỉ: số nhà 20 dãy A khu tập thể thông tin M1, tổ dân phố P, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Vũ Thị Ch trình bày : Bà C và ông Nguyễn Xuân D trước đây công tác cùng cơ quan nên khi ông D có nhu cầu vay tiền để làm ăn, bà đã cho ông D và bà H vay số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng chẵn). Việc vay tiền giữa bà với ông D, bà H có giấy vay nợ viết tay đề ngày 25/6/2016, trong đó có hẹn ngày trả rõ ràng. Cụ thể ông D, bà H hẹn trả bà C số tiền 400.000.000 đồng chia làm 05 đợt, đợt cuối cùng là ngày 30/12/2016 nhưng từ đó đến nay ông D, bà H không trả tiền theo đúng thỏa thuận. Nay bà C yêu cầu ông Nguyễn Xuân D và bà Đỗ Thị H phải trả bà số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 25/06/2016 với mức lãi suất là 9% /một năm cho đến ngày 20/3/2018 là 62.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân D và bà Đỗ Thị H thống nhất trình bày: Ông D, bà H xác nhận đến nay ông bà còn nợ bà Vũ Thị Ch số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Sở dĩ, có khoản tiền nợ này là vì trước đó ông bà có vay của bà C hai lần, mỗi hợp đồng 200.000.000 đồng. Đến ngày 25/6/2016, ông bà có viết giấy nhận nợ bà C số tiền 400.000.000 đồng bao gồm cả lãi. Ông bà có trách nhiệm trả nợ gốc là 400.000.000 đồng và xin trả dần cho bà C mỗi tháng 2.000.000 đồng/ tháng. Đối với yêu cầu của bà C về số tiền lãi là 9%/ 1 năm ông bà thấy mức lãi suất này là hợp lý, và nhất trí với bà C về mức lãi suất 9% này và về thời điểm tính lãi bắt đầu từ ngày 25/06/2016. Tuy nhiên do gia đình đang gặp rất nhiều khó khăn nên ông bà đề nghị bà C miễn toàn bộ tiền lãi cho ông bà.

Bản án sơ thẩm số 05/2018/DSST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân quận N đã quyết định:

* Chấp nhận đơn khởi kiện đòi tiền của bà Vũ Thị Ch đối với ông Nguyễn Xuân D và bà Đỗ Thị H.

* Buộc ông Nguyễn Xuân D và bà Đỗ Thị H phải trả cho bà Vũ Thị Ch số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và số tiền lãi chậm trả là 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu). Tổng số tiền ông D và bà H phải thanh toán cho bà C là 457.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 12/4/2018 bị đơn là bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Xuân D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân quận N về lãi xuất để xác định lại số tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật và cách tính lãi theo thỏa thuận ghi nhận trên giấy vay tiền của các bên.

Tại phiên tòa hôm nay:

Hai bị đơn thống nhất trình bày giấy vay tiền lập ngày 25/6/2016 do bà H viết và các bên ký rõ họ tên vào giấy vay tiền; trong giấy vay tiền là đúng và trong

nội dung giấy vay tiền không có nội dung nào thỏa thuận về lãi suất của khoản tiền vay; bị đơn cùng thống nhất trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Nguyên đơn trình bày giấy vay tiền lập ngày 25/6/2016 do bà H viết và các bên ký rõ họ tên vào giấy vay tiền; trong giấy vay tiền là đúng và trong nội dung giấy vay tiền không có nội dung nào thỏa thuận về lãi suất của khoản tiền vay; nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên quyết định như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy:

Về hình thức: Bị đơn là bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Xuân D làm đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo về hình thức là hợp lệ.

Về nội dung:

Ngày 25/6/2016 vợ chồng bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Xuân D có lập một giấy vay tiền với bà Vũ Thị Ch với nội dung: "...Hôm nay ngày 25 tháng 06 năm 2016. Vợ chồng tôi là Đỗ Thị H và Nguyễn Xuân D ở tại tổ dân phố P, phường T, N, Hà Nội chứng minh thư 0132001720, chứng minh thư 010516651 có vay của cô Vũ Thị Ch chứng minh thư 017320714 Hà Nội cấp số tiền là 400.000.000 đ (bốn trăm triệu đồng). Chúng tôi hẹn trả 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng) vào ngày 30 tháng 8 năm 2016. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2016 trả 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng). Ngày 30 tháng 10 năm 2016 trả 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng). Ngày 30 tháng 11 năm 2016 trả 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng). Ngày 30 tháng 12 năm 2016 trả 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng). Giấy này lập thành 02 bản mỗi bên giữ một bản giấy tờ trước đây kể từ ngày 25 tháng 06 năm 2016 không còn giá trị gì nữa. Trong khi viết giấy này tôi hoàn toàn tỉnh táo không bị ép buộc gì sai tôi hoàn toàn chịu trước pháp luật..."

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Đỗ Thị H xác nhận người viết giấy vay tiền là bà H; các đương sự là bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Xuân D, bà Vũ Thị Ch xác nhận chữ ký của mình trong giấy vay tiền là đúng và trong nội dung giấy vay tiền không có nội dung nào thỏa thuận về lãi suất của khoản tiền vay.

Quá trình giải quyết vụ án bà H và ông D thừa nhận có nợ bà C số tiền gốc là 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng). Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện đòi tiền của bà Vũ Thị Ch và buộc ông Nguyễn Xuân D và bà Đỗ Thị H phải trả cho bà Vũ Thị Ch số tiền gốc là 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng) là có căn cứ tuy nhiên về điều luật áp dụng là chưa chính xác cần phải sửa lại.

Về yêu cầu trả lãi khoản tiền vay: theo nội dung giấy vay tiền thì ngày 25/6/2016 bà H và ông D có vay của bà C số tiền 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng) và trả tiền vay làm năm đợt, đợt một là ngày 30/8/2016 trả 50.000.000 đồng, đợt cuối là ngày 30/12/2016 trả 100.000.000 đồng, không có thỏa thuận về lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà C yêu cầu bà H và ông D phải trả số tiền lãi kể từ ngày 25/6/2016 với mức lãi suất là 9 % một năm về phía bà H và ông Chúc cũng nhất trí với yêu cầu về mức lãi suất của bà C và có ý kiến xin bà C miễn toàn bộ tiền lãi (thể hiện tại các bút lục số 4, 23, 28, 40).

Ngoài các lời trình bày trên các đương sự đều không xuất trình được các tài liệu chứng cứ nào để xác định hai bên có thỏa thuận tính lãi như vậy; Hội đồng xét xử thấy quan hệ tranh chấp giữa bà Vũ Thị Ch với bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Xuân D là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi, thời hạn trả nợ là ngày 30/8/2016.

Đến hạn trả tiền ngày 30/8/2016, bà H và ông D không toán trả tiền cho bà C nên hai ông bà phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo quy định của Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 như sau: “Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Theo quy định tại Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm, có hiệu lực từ 01/12/2010.

Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất số tiền vay 9 %/năm trên tổng số tiền gốc bà H và ông D vay của bà C là có căn cứ, tuy nhiên về điều luật áp dụng là chưa đúng cần phải sửa lại cho chính xác cụ thể như sau: Tính từ ngày đến hạn trả tiền bà H và ông D phải trả là ngày 30/8/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/3/2018 thì thời gian tính lãi là 570 ngày. Số tiền cụ thể: 570 ngày x 400.000.000 đồng x 9%/360 ngày = 57.000.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/3/2018 bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Xuân D phải thanh toán cho bà Vũ Thị Ch là: 400.000.000 đồng + 57.000.000 đồng = 457.000.000 đồng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Xuân D kháng cáo những không đưa ra được chứng cứ tài liệu nào khác nên không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của bà C được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được nhận lại dự phí đã nộp.

Theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì những trường hợp được miễn nộp tiền án phí bao gồm:

“Điều 12. Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án 1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí: đ) “... người cao tuổi...” Theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi thì người cao tuổi được xác định như sau: *“Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”*. Ông D sinh năm 1955, năm nay ông D 63 tuổi. Như vậy, ông D đủ điều kiện được hưởng chế độ của người cao tuổi; Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn án phí sơ thẩm cho ông Nguyễn Xuân D.

Bà Đỗ Thị H phải nộp 11.140.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Xuân D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm số **05/2018/DSST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân quận N..**

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 ; khoản 1 điều 227; điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 471, 474, 476 và Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện đòi tiền của bà Vũ Thị Ch đối với bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Xuân D.

2. Buộc bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Xuân D phải trả cho bà Vũ Thị Ch số tiền vay gốc là 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng) và số tiền lãi chậm trả là 57.000.000 đ (Năm mươi bảy triệu đồng). Tổng số tiền bà H và ông D phải thanh toán cho bà C là 457.000.000 đ (Bốn trăm năm mươi bảy triệu đồng)

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân D được miễn án phí sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị H phải chịu 11.140.000 đ (Mười một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Vũ Thị Ch 11.000.000 đ (Mười một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007512 ngày 02/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N..

Án phí phúc thẩm: bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Xuân D không phải chịu án phí phúc thẩm hoàn trả bà H và ông Chúc số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AK/2010/0007900 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, ngoài số tiền phải thi hành nêu trên, người phải thi hành án còn phải trả lãi, theo mức lãi xuất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án có hiệu lực thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận N;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đinh Như Lâm